TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 476/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Phi Hùng
2. Bà Trần Ngọc Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2019/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2019 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp PT B, xã PL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp Phú CA, xã PT, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Ông M có đơn đề nghị vắng mặt, bà Á vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 19-6-2019 và bản tự khai ngày 20-8-2019 ông Lê Văn M trình bày:* Nguyên vào khoảng năm 1983 ông bà được người quen làm mai mối và được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới chỉ tổ chức tiệc cơm cho hai họ tham dự để chính thức kết duyên vợ chồng chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 1988 phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do, bất đồng quan điểm sống; không hòa thuận, thuyền xuyên cự cãi nhau trong cuộc sống hằng ngày và bà Á bỏ nhà về cha, mẹ ruột sống ly thân từ đó cho đến nay, thời gian dài không về

chung sống nữa nay ông cảm thấy không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Á.

+ Về quan hệ con chung: quá trình chung sống với nhau có 01 con chung tên Lê Thị Kim L, sinh năm 1985 đã trưởng thành, tự lập được không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Á vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông M có đơn đề nghị xin vắng mặt phiên tòa theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Á vắng mặt, không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Hôn nhân của ông M và bà Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thời gian ly thân kéo dài, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông M về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về quan hệ con chung: có 01 người con đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đề nghị đại diện VKSND, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Á , sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp Phú CA, xã PT, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn M có đơn đề nghị xin vắng mặt phiên tòa nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Á được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị Á không có mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Á.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Á chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 cho đến nay (căn cứ theo giấy khai sinh số 467/1998, ngày 29/12/1998 của UBND xã PL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho đứa con chung tên Lê Thị Kim L, sinh năm 1985), xác định ông bà chung sống với nhau trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm sống; không hòa thuận, thuyền xuyên cự cãi nhau trong cuộc sống hằng ngày và bà Á bỏ nhà về cha, mẹ ruột sống từ năm 1988 cho đến nay một khoảng thời gian khá dài không về chung sống với nhau nên ông bà đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay; thời gian ly thân ông bà không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với lời khai của bà Lê Thị Đ (mẹ ruột bà Nguyễn Thị Á) và ông Đinh Thiện T - Trưởng ấp Phú CA, xã PT, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xác nhận. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông M là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: ông Lê Văn M xác định thời gian chung sống với bà Nguyễn Thị Á có 01 người con chung tên Lê Thị Kim L, sinh năm 1985 đã trưởng thành và tự lập được, không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: ông Lê Văn M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Ông Lê Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông M thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Á có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định; Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với bà Nguyễn Thị Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Á.

2. Về án phí DSST: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Á không phải chịu án phí.

Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Á được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện PT;
-Chi cục THADS huyện PT;
-UBND xã PL; huyện PT;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Thuận